**Phụ lục I**

**VÙNG ĐÓN TRẢ HOA TIÊU, VÙNG KIỂM DỊCH, KHU NEO ĐẬU, KHU CHUYỂN TẢI**

**VÀ VÙNG NƯỚC TRƯỚC CẦU CẢNG THUỘC CẢNG BIỂN BÌNH ĐỊNH, CẢNG BIỂN PHÚ YÊN.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng** | **Ranh giới, vị trí** | **Chức năng** | **Ghi chú** |
| **I** | **CẢNG BIỂN BÌNH ĐỊNH** | | | |
| 1 | Vùng đón trả hoa tiêu Quy Nhơn | Là khu vực được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ:  **P1:** 13044’35.7”N; 109014’53.5”E.  **P2:** 13044’41.2”N; 109015’22.5”E.  **P3:** 13043’36.7”N; 109015’35.5”E.  **P4: 1**3043’31.7”N; 109015’05.5”E. | Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có mớn nước, trọng tải phù hợp thực hiện dịch vụ hoa tiêu hàng hải để vào, rời các bến cảng, khu neo đậu, chuyển tải thuộc vùng nước cảng biển Quy Nhơn. | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| 2 | Vùng kiểm dịch  Quy Nhơn | Là khu vực được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ:  **P1:** 13044’35.7”N; 109014’53.5”E.  **P2:** 13044’41.2”N; 109015’22.5”E.  **P3:** 13043’36.7”N; 109015’35.5”E.  **P4:** 13043’31.7”N; 109015’05.5”E. | Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài thực hiện việc kiểm dịch khi nhập cảnh, xuất cảnh tại vùng nước cảng biển Quy Nhơn. | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| **3** | **Các khu neo đậu, chuyển tải** | | | |
| 3.1 | Khu neo đậu tại đầm Thị Nại | Phạm vi khu neo đậu được giới hạn bởi các điểm A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A9.1, A10 và A11, trong đó bao gồm các khu vực neo đậu được giới hạn bởi các điểm B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, B9, B10, B11, B12, B13, B14. Vì lý do mặt bằng quy hoạch cho khu neo tương đối phức tạp, cần nhiều điểm nối như trên để hình thành tổng thể khu neo, do đó, tọa độ các điểm khống chế phạm vi khu neo đậu tại đầm Thị Nại chi tiết xem tại Bản vẽ QH-01 kèm theo Phụ lục này. | Phục vụ cho tàu thuyền có trọng tải đến 3.000 DWT ra, vào neo đậu, chờ, đợi cầu, đợi luồng, chờ làm thủ tục và kết hợp tránh trú bão. | *Căn cứ tại Quyết định số: 1886 /QĐ-CHHVN ngày 20/11/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố khu neo đậu tại vùng nước Cảng biển Quy Nhơn* |
| 3.2 | Khu neo đậu tại Vịnh  Làng Mai | Phạm vi khu neo đậu được giới hạn bởi các điểm C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7, C8 và C9. Vì lý do mặt bằng quy hoạch cho khu neo tương đối phức tạp, cần nhiều điểm nối như trên để hình thành tổng thể khu neo, do đó, tọa độ các điểm khống chế phạm vi khu neo đậu tại đầm Thị Nại chi tiết xem tại Bản vẽ QH-02 kèm theo Phụ lục này. | Phục vụ chung cho tàu thuyền có trọng tải đến 70.000 DWT ra, vào neo đậu, chờ, đợi cầu, đợi luồng, chờ làm thủ tục và kết hợp tránh bão. | *Căn cứ tại Quyết định số: 1886 /QĐ-CHHVN ngày 20/11/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố khu neo đậu tại vùng nước Cảng biển Quy Nhơn* |
| 3.3 | Khu neo đậu chờ làm hàng cho tàu có trọng tải trên 1.500 DWT | Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 100m, với tâm tại vị trí **V1** có tọa độ:  13°47'03.7"N; 109°14'53.5"E. | Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có mớn nước, trọng tải phù hợp neo đậu, chờ làm hàng. | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| 3.4 | Khu neo đậu chờ làm hàng cho tàu có trọng tải dưới 1.500 DWT | Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 100m, với tâm tại vị trí **V2** có tọa độ: 13°46'18.7"N; 109°15'23.5"E | Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có mớn nước, trọng tải phù hợp neo đậu, chờ làm hàng. | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| 3.5 | Khu neo đậu, chuyển tải cho tàu Lash | Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, với tâm tại vị trí **V3** có tọa độ: 13°43’33.7’’ N; 109°16’38.5’’E. | Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có mớn nước, trọng tải phù hợp neo đậu, chuyển tải. | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| 3.6 | Khu neo đậu cho tàu làm hàng nguy hiểm. | Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, với tâm tại vị trí **V4** có tọa độ: 13°44’33.7’’ N; 109°16’38.5’’ E. | Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có mớn nước, trọng tải phù hợp làm hàng nguy hiểm. | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| **4** | **Vùng nước trước cầu cảng** | | | |
| **4.1** | **Bến cảng Quy Nhơn** | | | |
| 4.1.1 | Vùng nước trước cầu cảng số 1 30.000 DWT |  |  |  |
| 4.1.2 | Vùng nước trước cầu cảng số 2 20.000 DWT | Được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây:  T8: 13o46’47,3’’N; 109o14’41,7’’E.  T9: 13o46’49,8’’N; 109o14’45,9’’E.  T10: 13o46’51,8’’N; 109o14’44,7’’E.  T4: 13o46’49,4’N; 109o14’40,7’’E.  T5:13o46’48,9’’N; 109o14’40,6’’E. |  | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| 4.1.3 | Vùng nước trước cầu cảng số 3 10.000 DWT | Được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây:  T11: 13o46’49,0’’N; 109o14’46,4’’E.  T12: 13°46’51,2’’N; 109°14’40,5’’E.  T13:13°46’48,7’’N;109°14’36,5’’E.  T14: 13o46’46,4’’N; 109o14’42,2’’E. |  | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| 4.1.4 | Vùng nước trước cầu cảng số 4 50.000 giảm tải. | Được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây:  T15: 13o46’44,4’’N; 109o14’43,9’’E.  T16: 13o46’45,5’’N; 109o14’45,7’’E.  T17: 13o46’38,9’’N; 109o14’49,9’’E.  T18: 13o46’38,8’’N; 109o14’47,4’’E. |  | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| **4.2** | **Tân Cảng Quy Nhơn** | | | |
|  | Vùng nước trước cầu cảng Tân Cảng Quy Nhơn | Khu vực I:  Được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây:  T19: 13o46’39,7’’N; 109o14’46,8’’E.  T20: 13o46’40,8’’N; 109o14’48,7’’E.  T21: 13o46’31,3’’N; 109o14’54,7’’E.  T22: 13o46’32,0’’N; 109o14’51,7’’E. |  | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| **4.3** | **Bến Cảng Thị Nại** | |  | |
|  | Vùng nước trước cầu cảng Thị Nại. | Được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây:  T23: 13o46’27,2’’N; 109o14’52,5’’E.  T24: 13o46’28,3’’N; 109o14’54,2’’E  T25: 13°46’03,7’’N; 109°14’53,5’’E.  T26: 13o46’18,6’’N; 109o14’58,4’’E. | . | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| **4.4** | **Bến Tân cảng Miền Trung** | | | |
|  | Vùng nước trước cầu cảng Tân Cảng Miền Trung | Được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây:  T27:13°46’19,2’’N; 109°14’55,5’’E  T28: 13046’13,3”N; 109014’59,6”E.  T25: 13°46’03,7’’N; 109°14’53,5’’E.  T26: 13o46’18,6’’N; 109o14’58,4’’E. |  | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| **4.5** | **Cảng dầu Quy Nhơn** | | | |
|  | Khu nước trước bến phao Cảng xăng dầu Quy Nhơn. | Khu vực thủy diện được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây:  **T29:** 13o47’01,7’’N; 109o14’21,5’’E.  **T30:** 13o47’00,8’’N; 109o14’26,6’’E.  **T31:** 13o47’02,3’’N; 109o14’32,7’’E.  **T32:** 13o47’08,6’’N; 109o14’25,7’’E. |  | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| **II** | **CẢNG BIỂN PHÚ YÊN** | | | |
|  | **Khu vực Cảng biển Vũng Rô** | | | |
| 1 | Vùng đón trả hoa tiêu  Vũng Rô | Là khu vực được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ:  **P5**:12051’03.8”N; 109024’36.9”E.  **P6:**12051’8”N; 109024’58”E.  **P7:**12050’15”N; 109024’07”E.  **P8:**12050’10”N; 109024’54”E. | Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có mớn nước, trọng tải phù hợp thực hiện dịch vụ hoa tiêu hàng hải để vào, rời các cầu, bến cảng, khu nước, vùng nước thuộc vùng nước cảng biển Vũng Rô. | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| 2 | Vùng kiểm dịch Vũng Rô | Là khu vực được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ:  **P5**:12051’03.8”N; 109024’36.9”E.  **P6:**12051’8”N; 109024’58”E.  **P7:**12050’15”N; 109024’07”E.  **P8:**12050’10”N; 109024’54”E. | Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài thực hiện việc kiểm dịch khi nhập cảng, xuất cảnh tại vùng nước cảng biển Vũng Rô. | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| **3** | **Các khu neo đậu, chuyển tải** | | | |
| 3.1 | Khu neo đậu chờ làm hàng trước Cảng tổng hợp Vũng Rô. | Vùng nước được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây:  **V5:** 12°52'06.7”N; 109°25'02.5"E.  **V6:** 12°51'18.7”N; 109°25'14.5"E.  **V7:** 12°51'18.7”N; 109°24'38.5"E.  **V8:** 12°52'06.7N; 109°24'29.5"E. | Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có mớn nước, trọng tải phù hợp neo đậu, chờ làm hàng. | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| 3.2 | Khu chuyển tải An Hải | Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có đường kính 1.500m, với tâm tại vị trí **V17** có tọa độ: 13°18'40N; 109°18'42"E. | Dành cho tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền Nước ngoải có trọng tải đến 70.000 DWT | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| 3.3 | Khu chuyển tải Vịnh Xuân Đài. | Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có đường kính 630m, với tâm tại vị trí **V9** có tọa độ: 13°24'23,1N; 109°16'43,5"E. | Dành cho tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền Nước ngoải có trọng tải đến 50.000 DWT | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| 3.4 | Khu neo đậu tại Vịnh Xuân Đài | Tọa độ giới hạn khu neo đậu tàu tại Vịnh Xuân Đài, cụ thể:  1. Khu vực 1: Tiếp nhận tàu có trọng tải đến 100.000 DWT là khu vực được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ:  **P1**: 13024’12.06”N; 109017’17.48”E.  **P2:** 13023’09.99”N; 109017’17.14”E.  **P3:** 13023’10.34”N; 109016’07.36”E.  **P4:** 13024’12.81”N; 109016’07.69”E.  2. Khu vực 2: Tiếp nhận tàu có trọng tải đến 30.000 DWT là khu vực được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ:  **P3**: 13023’10.34”N; 109016’07.36”E.  **P4:** 13023’10.65”N; 109015’05.88”E.  **P5:** 13024’13.12”N; 109015’06.20”E.  **P6:** 13024’12.81”N; 109016’07.69”E.  3. Khu vực 3: Thiết lập khu neo bổ sung tại Vịnh Xuân Đài tiếp nhận tàu có trọng tải đến 100.000 DWT và các tàu cỡ lớn hơn là khu vực được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ:  **P1**:13024’12.46”N; 109017’17.48”E.  **P2:**13024’12.01”N; 109018’44.06”E.  **P3:** 13022’0.08”N; 109018’43.38”E.  **P4:** 13022’7.52”N; 109017’16.81”E. | Đáp ứng nhu cầu chờ đợi cầu, đợi luồng cho tàu thuyền vào, rời các bến cảng biển tại khu vực, kết hợp tránh bão nhằm bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường | *- Căn cứ tại Quyết định số: 471 /QĐ-CHHVN ngày 07/04/2020 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố khu neo đậu tại Vịnh Xuân Đài thuộc vùng nước Cảng biển Vũng Rô, tỉnh Phú Yên;*  *- Căn cứ tại Quyết định số: 1722 /QĐ-CHHVN ngày 5/12/2022 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố bổ sung khu neo đậu tại Vịnh Xuân Đài thuộc vùng nước Cảng biển Vũng Rô, tỉnh Phú Yên.* |
| **4** | **Vùng nước trước cầu cảng** | | | |
| 4.1 | Vùng nước trước cầu cảng Vũng Rô. | Vùng nước được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây:  **T37 :** 12o52’06.5’’N; 109o24’17,3’’E.  **T38:** 12o52’07,9’’N; 109o24’21,7’’E.  **T39:** 12o’52’03,3’’N; 109o24’23,2’’E.  **T40:** 12o’52’01,9’’N; 109o24’18,9’’E. |  | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |
| 4.2 | Khu nước bến phao neo Cảng xăng dầu Vũng Rô | Khu nước được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây:  **T41:** 12°51'56.0"N; 109°24'08.9"E.  **T42:** 12°52’02,4”N; 109°24’03,3” E.  **T43:** 12°52’04,8”N; 109°24’08,6” E.  **T44:** 12°52’01,9” N; 109°24’09,9”E.  b.Vũng quay tàu được giới hạn bởi đường tròn bán kính 200m, với tâm tại vị trí **Q** có tọa độ:  12°51’59,5” N; 109°24’04,7” E. |  | *Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô* |

***Chú ý:***

Tọa độ các điểm quy định tại Phụ lục của Quyết định này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển sang các Hệ tọa độ tương ứng tại Bảng chuyển đổi hệ tọa độ các điểm kèm theo Quyết định này.